**SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

**MỘT VÀI KINH NGHIỆM DẠY – HỌC BÀI HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM**

ĐỀ CƯƠNG CỦA SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài

1.2. Mục đích nghiên cứu

1.3. Đối tượng nghiên cứu

1.4. Phương pháp nghiên cứu

1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

NỘI DUNG

2.1.**Cơ sở lý luận của vấn đề**

**2.2. Thực trạng của vấn đề**

**2.3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề**

**2.4. Kết quả đạt được**

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1.**Kết luận**

**3.2. Kiến nghị**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO (nếu có)

PHỤ LỤC (nếu có)

**1. MỞ ĐẦU**

* 1. **Lý do chọn đề tài.**

Đối với việc dạy học Ngữ văn, phương pháp dạy học truyền thống là lấy giáo viên làm trung tâm đã tồn tại nhiều năm nay. Nó trở thành một phương pháp có khó thay đổi. Thủ tướng Phạm Văn Đồng gọi đó là cách học theo điệu “ sáo” . Nghĩa là chỉ bắt chiếc và nhắc lại, không hề có tính sáng tạo, hiệu quả thấp. Tình hình đó đặt ra một vấn đề bức thiết đối với đội ngũ giáo viên nói riêng, với ngành giáo dục nói chung là phải đổi mới.

Hạt nhân của sự đổi mới phương pháp dạy học là lấy học sinh làm trung tâm, đề cao vai trò của học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Người thầy là người tổ chức các hoạt động nhận thức và có vai trò quyết định đối với quá trình tổ chức hoạt động của trò.

Từ khi đổi mới đến nay, giáo dục tích cực theo hướng lấy học sinh là trung tâm không chỉ đem lại một sức sống mới cho giáo dục ở thời đại mới mà cũng là con đường có triển vọng để nhận thức lại cơ chế dạy học văn, đặc biệt là dạy tác phẩm văn chương.

Việc đổi mới phương pháp dạy học Văn tác động đến việc thay đổi chương trình, nội dung sách giáo khoa, cách đánh giá học sinh, kết quả học tập … Một chương trình Ngữ văn THCS. Bên cạnh loại bài dạy học theo cách truyền thống: Thầy và trò cùng hoạt động tìm hiểu toàn bộ giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm thì còn loại bài khác- loại bài “ hướng dẫn đọc thêm”.

**1.2. Mục đích nghiên cứu**

Đây không phải là loại bài mới, nhưng vì chưa có một giáo trình nào định hướng một cách rõ ràng cụ thể phương pháp dạy học nên hầu hết giáo viên hết sức lúng túng khi dạy loại bài này.

Qua quá trình dạy học, tự tìm tòi, học hỏi thêm đồng nghiệp chúng tôi dần dần hình thành cho mình một phương pháp dạy- học loại bài này và bước đầu có kết quả. Mong rằng cùng với kinh nghiệm của bản thân mỗi giáo viên kết hợp với kinh nghiệm từ sáng kiến này thì việc dạy và học kiểu bài này sẽ đạt kết quả cao. Trong phạm vi một sáng kiến kinh nghiệm, xin được nêu một vài kinh nghiệm của bản thân về dạy loại bài hướng dẫn đọc thêm trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

* 1. **Đối tượng nghiên cứu.**

Học sinh lớp 9 năm học 2016- 2017 năm học 2016- 2017 trường THCS Nguyễn Tất Thành- Nam Dong- Cư Jut- ĐăkNông

* 1. **Phương pháp nghiên cứu**
* Phương pháp đọc văn bản
* Phương pháp đàm thoại
* Phương pháp quan sát
* Phương pháp quan điểm thực tiễn.
* Phương pháp đặt câu hỏi
* Phương pháp dự giờ
* Phương pháp thăm dò
* Phương pháp tự học
* Phương pháp tổng kết đánh giá rút nghiệm…
  1. **Giới hạn phạm vi nghiên cứu.**

Đối với những kinh nghiệm này tôi chỉ mới áp dụng trong dạy- học loại bài hướng dẫn đọc thêm trong chương trình THCS.

**2. NỘI DUNG**

**2.1. Cơ sở lí luận của vấn đề**

**\* Cơ sở lí luận:**

a. Trong cấu trúc chương trình Ngữ văn THCS loại bài hướng dẫn đọc thêm trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

Cụ thể:

**Bảng thống kê các văn bản hướng dẫn đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Lớp | Tên bài | |
| 1 | 6 | * Văn bản “ Bánh chưng bánh giày” | |
| 2 | 6 | * Văn bản “ Sự tích Hồ Gươm” | |
| 3 | 6 | * Văn bản “ Ông lão đánh cá và con cá vàng” | |
| 4 | 6 | * Văn bản “ Chân, Tay, Tai,Mắt, Miệng” | |
| 5 | 6 | * Văn bản “ Lợn cưới, áo mới” | |
| 6 | 6 | * Văn bản “ Con hổ có nghĩa” | |
| 5 | 6 | * Văn bản “ Mưa” | |
| 6 | 6 | * Văn bản “ Lòng yêu nước” |
| 7 | 7 | * Văn bản “ Sau phút chia li” |
| 8 | 7 | * Văn bản “ Xa ngắm thác núi Lư” |
| 9 | 7 | * Văn bản “ S - Văn bản “Sài gòn tôi yêu” |
| 10 | 8 | * Văn bản “ Muốn làm thằng cuội” |
| 11 | 8 | * Văn bản “ Hai chữ nước nhà” |
| 12 | 9 | * Văn bản “ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” |
| 13 | 9 | * Văn bản “ Những đứa trẻ” |
| 14 | 9 | * Văn bản “ Con cò” |
| 15 | 9 | * Văn bản “ Bến quê” |

Như vậy số lượng bài hướng dẫn đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS là 17 bài - 1số lượng không nhỏ và có ý nghĩa lớn với học sinh.

1. Vị trí của loại bài này trong chương trình Ngữ văn.

Bên cạnh hệ thống văn bản học chính thức, thì loại văn bản hướng dẫn đọc thêm này góp phần làm giàu kiến thức văn cho học sinh. Đặc biệt nó có một vị trí quan trọng trong việc rèn luyện kĩ năng- phương pháp tự học, tự nghiên cứu một văn bản văn chương cho học sinh, góp phần hình thành ở các em một “ Văn hóa đọc” đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học Văn “ phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh”.

1. Đặc trưng cơ bản về phương pháp dạy học loại bài hướng dẫn đọc thêm.

Đặc trưng cơ bản về phương pháp dạy học loại bài này: coi trọng yếu tố tự học của trò thông qua sự hướng dẫn một cách khoa học của thầy, gợi mở phương pháp nhiều hơn là dạy kiến thức. Khác với loại bài dạy học chính thức là thầy và trò“đồng cảm thụ đồng hoạt động, đồng sáng tạo”.

**\* Cơ sở thực tiễn**.

1. Thực trạng dạy học bài hướng dẫn đọc thêm.

Thực tế giảng dạy hiện nay đang tồn tại 2 khuynh hướng- 2 cách dạy loại bài này:

**Cách 1:** Để học sinh tự hoạt động thông qua hình thức giáo viên nêu một số câu hỏi- trò trả lời.

**Cách 2:** Thầy trò cùng hoạt động, tìm hiểu một vài nét sơ lược về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**2.2 Thực trang của vấn đề**

Nguyên nhân của thực trạng như đã nêu ban đầu là chưa có một trường Sư phạm, hay cấp chỉ đạo chuyên môn nào cung cấp cho sinh viên phương pháp cụ thể dạy- học loại bài này, và sách giáo viên cũng không hướng dẫn cụ thể, nên giáo viên phải tự bơi trong “ sáng tạo”.

Kết quả của cách dạy này dẫn đến yếu tố “ hướng dẫn” của thầy và kĩ năng tự học và đọc thêm của trò không thực hiện được, hoặc nếu có thể thì cũng rất mờ nhạt, điều đáng buồn hơn là các em không nắm được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, do vậy mà kiến thức của các em nghèo đi.

Từ cơ sở lí luận và thực tiễn như trên, đặt chúng tôi- những giáo viên dạy Ngữ văn phải tìm tòi, nghiên cứu, thử nghiệm để hình thành dần phương pháp dạy- học tối ưu cho loại bài này nhằm khắc phục những hạn chế như đã nêu, góp phần nâng cao hiệu quả dạy- học văn trong nhà trường. Sau đây xin nêu một vài kinh nghiệm bước đầu của bản thân.

**2.3 Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề.**

**\* Về nguyên tắc.**

Coi trọng yếu tố hướng dẫn- tự học của loại bài hướng dẫn đọc thêm và ý nghĩa của nó trong việc hướng dẫn kĩ năng, tiến đến hình thành, xây dựng một phương pháp tự học- 1văn hóa đọc, làm cơ sở cho quá trình học văn trong nhà trường cũng như sau này vào đời cho học sinh.

Nhận rõ vai trò của yếu tố hướng dẫn, để thầy làm tốt nhiệm vụ của mình trong vài trò này đối với học sinh, giúp các em “ tự học” tốt hơn, đạt hiệu quả hơn.

Thấy được mối quan hệ biện chứng của hai yếu tố“ hướng dẫn” và “ tự học”. Người giáo viên hướng dẫn tốt thì tất yếu học sinh sẽ tự học tốt. Còn ngược lại nếu hướng dẫn có hạn chế, kết quả tự học sẽ không cao.

**\* Về phương pháp**.

**Phương pháp dạy học phần chú thích.**

Phần này lưu ý 2 loại chú thích:

**\* Loại 1**: Những kiến thức về tác giả và tác phẩm.

Phần này giáo viên chỉ hướng dẫn học sinh tìm hiểu được yếu tố nào trong cuộc đời của tác giả đã ảnh hưởng và chi phối sâu sắc đến quá trình thai nghén tác phẩm. Đây là một yếu tố quan trọng để giúp các em hiểu sâu nội dung tác phẩm.

Ví dụ: Khi giới thiệu tác giả của đoạn trích “ Những đứa trẻ”- lớp 9, cần phải lưu ý với học sinh rằng tuổi ấu thơ của Gooc-ki cũng đã từng sống trong đắng cay, tủi hờn để trong quá trình tìm hiểu văn bản các em cắt nghĩa được vì sao nhà văn có được những trang viết đầy xúc động như vậy về những đứa trẻ.

**\* Loại 2**: Loại chú thích về từ ngữ và các điển tích.

Phần này giáo viên chỉ hướng dẫn các em tìm hiểu và nắm từ ngữ khó, điển tích khó với mục đích giúp các em khai thông- bước đầu giải mã văn bản.

**Phương pháp dạy học phần đọc- hiểu văn bản**.

**Bước 1: Hướng dẫn phương pháp đọc văn bản**.

Quá trình hướng dẫn phương pháp đọc tác phẩm cần phải tuân theo quy trình sau:

* Giáo viên đọc mẫu.
* Giáo viện định hướng phương pháp đọc cho học sinh.
* Học sinh đọc.
* Giáo viên yêu cầu học sinh khác nhận xét cách đọc của bạn để rút kinh nghiệm, đồng thời nhận thức thế nào là đọc đúng.

Để hoàn thành tốt quy trình này, người giáo viên đọc mẫu phải tốt, định hướng phương pháp đọc phải rõ ràng cụ thể.

**Bước 2: Hướng dẫn phương pháp tìm hiểu văn bản.**

* Với loại bài này trên cơ sở câu hỏi SGK, giáo viên hướng dẫn học sinh đi tìm hiểu sâu 2 vấn đề cơ bản:
* Đặc sắc về nội dung.
* Đặc sắc về nghệ thuật.

Ở mỗi phần giáo viên phải cung cấp cho học sinh hệ thống câu hỏi vừa đủ để định hướng, gợi mở cho các em tự tìm hiểu đặc sắc nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi thông qua hệ thống câu hỏi đó.

* Vai trò của thầy giáo trong phần hướng dẫn đọc- hiểu văn bản, vừa hướng dẫn, vừa

tổ chức cho các em hoạt động tìm hiểu, vừa là thư kí chắt lọc- ghi lại kết quả tự tìm hiểu của từng cá nhân- tập thể lớp, vừa giúp đỡ với tinh thần góp thêm một cách hiểu để định hướng và làm phong phú thêm kết quả cảm thụ ở các em.

1. **Hướng dẫn học phần tổng kết**.

Cũng thông qua hệ thống câu hỏi( 2 hoặc 3 câu) giáo viên định hướng để học sinh tự tổng kết rút ra đặc sắc giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản và giúp các em chắt lọc, tự ghi lại nội dung cơ bản của phần tổng kết. Lưu ý phần này có tác dụng rất lớn trong việc rèn kĩ năng tổng hợp, khái quát, kĩ năng nói ở học sinh nên thầy giáo không được làm thay.

1. **Hướng dẫn học sinh tiếp tục học ở nhà.**

Đối với loại bài hướng dẫn đọc thêm phần này có ý nghĩa quan trọng, giúp các em nắm chắc hơn những điều đã được hướng dẫn ở lớp, trên cơ sở đó đi sâu tìm hiểu thêm những vấn đề chưa được thầy giáo và bạn học đề cập đến. Vì vậy giáo viên cần hướng dẫn các em tiếp tục tự mình đọc thêm tác phẩm ở nhà một cách cụ thể, với một mục đích rõ ràng, tránh hình thức qua loa, chiếu lệ.

c. Một thiết kế minh họa.

Văn bản: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.

1. **Yêu cầu cần đạt:**

Giúp học sinh:

* Cảm nhận dược tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà- ôi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, từ đó phần nào hiểu được lòng yêu quê hương, đất nước và khát vọng tự do của nhân dân ta trong thời kì lịch sử này.
* Giọng điệu thơ tha thiết, ngọt ngào của Nguyễn Khoa Điềm qua những khúc ru cùng với bố cục đặc sắc của bài thơ.

1. **Chuẩn bị:**

* GV: giáo án
* HS: học bài, làm bài tập và soạn bài.

1. **Tiến trình giờ học:**
2. **Ổn định tổ chức.**
3. **Kiểm tra bài cũ**
4. **Bài mới:**

**Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| **GV**: Dựa vào phần chú thích kết hợp với những hiểu biết của em, hãy nêu những nét cần lưu ý về tác giả và tác phẩm?  **HS**:- Nguyễn Khoa Điềm(1943), quê Tiên Điền-Thừa Thiên Huế.  - Thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Ông tứng sống và chiến đấu cùng người dân Vân Kiều ở miền Tây Thừa Thiên.  - Bài thơ sáng tác năm 1971, khi ông đang công tác ở chiến khu miền Tây Thừa Thiên.  **GV**: Bài thơ có thể chia làm mấy phần?  Nội dung từng phần.  **HS**:- 3 phần  Phần 1: 2 khổ thơ đầu:Lờ ru của nhà thơ.  Phần 2: 2 Khổ còn lại: Lời ru của mẹ  **GV**: Bài thơ thuộc thể thơ nào?  **HS**: Thơ tự do | 1. **Tác giả và tác phẩm:**   **1.Tác giả**:- Nguyễn Khoa Điềm(1943), quê Tiên Điền-Thừa Thiên Huế.  - Thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Ông tứng sống và chiến đấu cùng người dân Vân Kiều ở miền Tây Thừa Thiên.  2.**Tác phẩm:**  - Bài thơ sáng tác năm 1971, khi ông đang công tác ở chiến khu miền Tây Thừa Thiên.  **3.Bố cục:** 3 phần  Phần 1: 2 khổ thơ đầu:Lờ ru của nhà thơ.  Phần 2: 2 Khổ còn lại: Lời ru của mẹ  **4.Thể loại**: Thơ tự do |

Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc, tìm hiểu văn bản

|  |  |
| --- | --- |
| GV hướng dẫn học sinh đọc: đọc giọng tha thiết, chú ý các điệp khúc.  GV đọc mẫu.  HS theo dõi giọng đọc  **GV**: Về đặc sắc nội dung ở bài thơ này ta phải đi sâu tìm hiểu vấn đề gì?  ( Nhân vật nào?)  **GV**: Phân tích nhân vật bà mẹ ta phải làm gì?  **HS**: Tình cảm của bà mẹ.  **GV**: Hình ảnh người mẹ Tà- Ôi có những nét nào đáng quý?  **HS**: Thương con, yêu quê hương, đất nước.  **GV**: Hiện lên qua lời ru của mẹ là tình yêu thương con như thế nào?  + Mong con sớm trở thành chàng trai Tà- Ôi cao lớn, khỏe mạnh phi thường để có thể vung chày lún sân, giã gạo cho hạt gạo trắng ngần để cho bộ đội ăn no đánh thắng giặc, có thể phát mười núi K- Lưi.  + Mơ được thấy Bác Hồ, thành người tự do.  **GV**:Tình yêu quê hương đất nước thể hiện qua những câu thơ nào?   * Yêu quê hương đất nước.   + Thương làng đói  + Thương bộ đội.  + Giã gạo để nuôi bộ đội.  + Tham gia sản xuất.  + Đi chuyển lán, đi đạp rừng, đi giành trận cuối.  **GV**: Những câu thơ đó cho em cảm nhận gì về tình yêu quê hương đất nước?  ( HS bộc lộ cảm nhận của mình) .  GV định hướng bằng hành động của mẹ tham gia sản xuất ở hậu phương phục vụ tiền tuyến chiến đấu: giã gạo, tỉa bắp. Mẹ trực tiếp tham gia vào công việc kháng chiến với tinh thần quyết tâm, với lòng tin thắng lợi.  **GV**: Lòng kính yêu lãnh tụ gắn liền với điều gì?  **HS**: Mong con trở thành công dân của một nước tự do.  **GV**: Từ những đặc điểm phân tích em có cảm nhận gì về hình ảnh của người mẹ Tà- Ôi?  **GV**: Làm nên những đặc sắc về nội dung trên nhờ là nhờ có những nét nghệ thuật. Khi tìm hiểu những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ ta tìm hiểu những khía cạnh nào?   * Giọng điệu thơ ngọt ngào tha thiết của khúc hát ru. * Hình ảnh thơ: Mộc mạc, gần gũi, được nói theo cách rất riêng của người dân tộc Vân Kiều. * Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật: Ẩn dụ, nhân hóa. | **II. Đọc, tìm hiểu văn bản**   1. **Hình ảnh người mẹ Tà- Ôi.**  * Thương con:   + Mong con sớm trở thành chàng trai Tà- Ôi cao lớn, khỏe mạnh phi thường để có thể vung chày lún sân, giã gạo cho hạt gạo trắng ngần để cho bộ đội ăn no đánh thắng giặc, có thể phát mười núi K- Lưi.  + Mơ được thấy Bác Hồ, thành người tự do.   * Yêu quê hương đất nước.   + Thương làng đói  + Thương bộ đội.  + Giã gạo để nuôi bộ đội.  + Tham gia sản xuất.  + Đi chuyển lán, đi đạp rừng, đi giành trận cuối.   * Yêu lãnh tụ   Mong con trở thành công dân của một nước tự do.   * Hình ảnh người mẹ vất vả, nghèo khổ nhưng vẫn bền bỉ, quyết tâm trong công việc lao động và kháng chiến. Yêu con, yêu quê hương, đồng thời cũng rất nặng tình với buôn làng, bộ đội và khao khát một đất nước tự do.  1. **Đặc sắc về nghệ thuật.**  * Giọng điệu thơ ngọt ngào tha thiết của những khúc hát ru. * Hình ảnh thơ: Mộc mạc, gần gũi, được nói theo cách rất riêng của người dân tộc Vân Kiều. * Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật: Ẩn dụ, nhân hóa. |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV**: Theo em giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ được thể hiện như thế nào?  ( HS dựa vào ghi nhớ trả lời). | 1. **Tổng kết** 2. **Nội dung**   Khúc hát của tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ gắn liền với lòng yêu nước,tinh thần chiến đấu của người mẹ Tà- Ôi.   1. **Nghệ thuật**.  * Khúc hát ru với giọng điệu ngọt ngào, thiết tha. * Hình ảnh ẩn dụ. |

**4.Tổng kết và hướng dẫn học tập**

**4.1**. **Củng cố**

- Từ hình ảnh của người mẹ Tà-Ôi, em có liên hệ gì về tình yêu quê hương đất nước, ý chí chiến đấu giành độc lập tự do của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

* Nắm được kiến thức bài học.
  1. **Hướng dẫn học tập**
* Học thuộc bài thơ
* Tiếp tục tìm hiểu một số khía cạnh nội dung( yêu thương con, yêu bộ đội, yêu lãnh tụ bà mẹ đã làm gì?) và nghệ thuật của bài thơ( thể hiện qua những chi tiết cụ thể).
* Soạn bài: “ Ánh trăng”

**2.4. Kết quả đạt được.**

**\* Về định tính**:

Bước đầu học sinh biết cách đọc thêm một tác phẩm cụ thể; sự tiến bộ của học sinh thể hiện rõ qua bài soạn của các e về loại bài hướng dẫn đọc thêm. Đa phần trong bài soạn các em đã nêu được một vài nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Nó chỉ là bước đầu nhưng có tác dụng làm cơ sở cho việc dạy và học ở trên lớp.

\* **Về định lượng**

Kết quả kiểm tra 15 phút của bài “ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” so với những năm trước khi chưa thực hiện kinh nghiệm này, học sinh có nhiều tiến bộ.

**Đề kiểm tra 15 phút**:

**Tình cảm và ước vọng của người mẹ Tà- Ôi thể hiện như thế nào qua 3 khúc ru?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng HS** | **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** |
| 35 | 5 | 7 | 23 | 0 |

1. **Kết luận và kiến nghị**

**3.1. Kết luận**

Hướng dẫn đọc thêm là loại bài có tác dụng làm giàu vốn văn chương , rèn luyện kĩ năng tự học, tự cảm thụ và bước đầu xây dựng cho học sinh một văn hóa đọc.

Là một giáo viên tuổi nghề còn ít, vốn kinh nghiệm chưa nhiều, những điều nêu trên mới chỉ là bước đầu mong muốn làm phong phú hóa- tiến đến góp phần định hình phương pháp dạy- học loại bài vốn ít học sinh yêu thích này. Vì vậy chắc chắn không tranh khỏi khiếm khuyết.

* 1. **Kiến nghị**

Với dung lượng một sáng kiến kinh nghiệm, những kinh nghiệm mang tính chủ quan của bản thân chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong đồng nghiệp miễn thứ và chỉ giáo.

*Nam Dong, ngày 03 tháng 01 năm 2017*

**Chu Thị Huệ**

**Tài liệu tham khảo**

1. Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9- NXB GD.
2. Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9- Sách giáo viên- NXB GD
3. Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS môn Ngữ văn – NXB GD.
4. Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS môn Ngữ văn- Viện khoa học gioa dục- 2002.
5. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chu kì III( Năm học 2004- 2007 môn Ngữ văn- Quyển I)- NXB GD.
6. Giáo trình phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường THPT- ĐHSP Huế- Tài liệu lưu hành nội bộ.
7. Tham khảo trên mạng Internet.

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| MỞ ĐẦU | **3** |
| Lý do chọn đề tài | **3** |
| 1.2. Mục đích nghiên cứu | **3** |
| 1.3. Đối tượng nghiên cứu | **3** |
| 1.4. Phương pháp nghiên cứu | **3** |
| 1.5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu | **5** |
| NỘI DUNG | **5** |
| 2.1.**Cơ sở lý luận của vấn đề** | **5** |
| **2.2. Thực trạng của vấn đề** | **6** |
| **2.3. Các biện pháp đã tiến hành để giải quyết vấn đề** | **6** |
| **2.4. Kết quả đạt được** | **11** |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | **11** |
| 3.1.**Kết luận** | **11** |
| **3.2. Kiến nghị** | **12** |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO (nếu có) | **13** |
| MỤC LỤC | **14** |

***Nhận xét của Hội đồng chấm Sáng kiến kinh nghiệm cấp trường***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Nhận xét của Hội đồng chấm Sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………